

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày: 12-02-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Dương Duy Đ, năm sinh 1980 và bà Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1960; cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Yến L là anh Dương Duy Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2024); có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1970 và chị Huỳnh Thị D (D1), sinh năm 1974; cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Dương Duy Đ, cũng là đại diện của bà Nguyễn Thị Yến L, trình bày: Anh và mẹ anh là bà L có quen biết anh N và chị D. Do vợ chồng anh N và chị D có nhu cầu, nên hỏi vay tiền của mẹ con anh. Mẹ con anh đã cho anh N và chị D vay số tiền 400.000.000đ, có làm biên nhận ngày

01/01/2021, do anh N và chị D ký nhận, việc vay không có ghi thời hạn trả, có thỏa thuận lãi suất là 2,4%/tháng, mục đích vay là để đầu tư làm rẫy. Trong quá trình vay, anh N và chị D không trả lãi đầy đủ, đặc biệt hơn 01 năm nay thì anh N và chị D không trả khoản tiền gốc, lãi nào. Do có nhu cầu đòi lại tiền gốc, năm 2023 anh và mẹ anh đã yêu cầu anh N và chị D trả lại số tiền vay gốc 400.000.000đ, nhưng không trả. Nay anh và mẹ anh yêu cầu anh N và chị D trả lại số tiền vay còn nợ là 400.000.000đ, không tính lãi.

Bị đơn, anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D, cùng có ý kiến trình bày: Vợ chồng anh có tham gia chơi hội do bà Yến L làm chủ hội, không có tham gia chơi hội hay vay tiền gì của anh Đ. Việc vợ chồng anh tham gia chơi hội do bà Yến L làm chủ hội từ năm 2018, tham gia nhiều dây hội, hai bên đã có chốt sổ với nhau vào ngày 01/01/2021 và vợ chồng anh có ký biên nhận còn nợ bà Yến L là 400.000.000đ. Tuy nhiên, khi ký thì không có đọc lại nội dung. Đến ngày 02/11/2021, vợ chồng anh có trả cho bà Yến L 30.000.000đ, ngày 08/01/2022 trả 40.000.000đ, ngày 09/11/2022 trả 25.000.000đ, ngày 15/02/2023 trả 21.000.000đ. Không nhớ ngày tháng năm, vay ngân hàng trả được 40.000.000đ. Ngoài ra, trước đó ngày 19/11/2018 có trả được 20.000.000đ, ngày 08/8/2020 trả 60.000.000đ, những lần trả này không có làm biên nhận, không ai biết, không có gì chứng minh. Tổng cộng vợ chồng anh đã trả cho bà Yến L 416.000.000đ, đến nay không còn nợ bà Yến L. Vợ chồng anh không thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn anh Đ, bà L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh N và chị D trả cho anh Đ và bà L số tiền vay 400.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc anh Đ và bà L yêu cầu anh N và chị D trả số tiền vay còn nợ là có căn cứ để chấp nhận, vì: Anh N và chị D thừa nhận có ký vào văn bản vay số tiền 400.000.000 đồng, mà phía nguyên đơn xuất trình cho Tòa án. Việc anh N và chị D cho rằng không xem lại văn bản nên không biết số tiền là tiền vay hay tiền hội và lãi suất như thế nào thì anh chị cũng phải chịu trách nhiệm với nội dung văn bản đã ký. Tòa án đã yêu cầu anh N và chị D chứng minh số tiền đã trả cho anh Đ và bà L, nhưng anh chị không đưa ra được chứng cứ nên phải chịu

trách nhiệm pháp lý theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “2. *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*”; “4. *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*”. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ và bà L, buộc anh N và chị D trả số tiền vay còn nợ gốc 400.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất, không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh N và chị D chịu án phí đối với số tiền phải trả cho anh Đ và bà L là 20.000.000 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 95, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Duy Đ và bà Nguyễn Thị Yến L.

Buộc anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Dương Duy Đ và bà Nguyễn Thị Yến L số tiền vay còn nợ 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc anh Nguyễn Hữu N và chị Huỳnh Thị D có nghĩa vụ liên đới chịu 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

3.2. Trả lại cho anh Dương Duy Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo Biên lai số 0014352 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/02/2025).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú